

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NĂM 2024*(Kèm theo Quyết định số: 1921 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Thăng Bình)**(Học kỳ II năm học 2023-2024 và truy lĩnh học kỳ I năm học 2023-2024)*

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Mã số SDNS	Cấp bù học phí học kỳ II năm học 2023-2024					Tổng số tiền cấp bù HKII năm học 2023-2024	Tổng số tiền Bổ sung cấp bù HKI năm học 2023-2024	Tổng số tiền cấp bù năm học 2023-2024	
			Tổng học sinh	Trong đó		Số tiền cấp bù 1 tháng	Số tháng				Số tiền
				Miễn	giảm						
1	Trường THCS Lê Quý Đôn (T Thị)	1072208	8	8		60.000	5	2.400.000	4.275.000	3.240.000	7.515.000
	Trường THCS Lê Quý Đôn (T Thị)		7		7	30.000	5	1.050.000			0
	Trường THCS Lê Quý Đôn (Đ bằng)		3	3		30.000	5	450.000			0
	Trường THCS Lê Quý Đôn (Đ bằng)		1		1	15.000	5	75.000			0
	Trường THCS Lê Quý Đôn (M Núi)		4	4		15.000	5	300.000			0
2	Trường THCS Lê Đình Chinh	1072305	6	5	1	30.000	5	825.000	825.000		825.000
3	Trường THCS Quang Trung	1072306	12	8	4	30.000	5	1.500.000	1.500.000		1.500.000
4	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	1072219	10	3	7	30.000	5	975.000	975.000		975.000
5	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	1072303	12	5	7	30.000	5	1.275.000	1.350.000		1.350.000
	(1 em miễn núi)		1	1		15.000	5	75.000			0
6	Trường THCS Ngô Quyền	1072304	13	8	5	30.000	5	1.575.000	1.575.000		1.575.000
7	Trường THCS Nguyễn Hiền	1072211	16	12	4	30.000	5	2.100.000	2.100.000		2.100.000
8	Trường THCS Phan Đình Phùng	1072210	15	8	7	30.000	5	1.725.000	1.725.000		1.725.000
9	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	1072077	13	10	3	30.000	5	1.725.000	1.725.000		1.725.000
10	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	1072205	13	7	6	30.000	5	1.500.000	1.875.000		1.875.000
	(5 em miễn núi)		5	5		15.000	5	375.000			0
11	Trường TH&THCS Nguyễn D Hiệu	1072206	5	4	1	30.000	5	675.000	825.000		825.000
	(2 em miễn núi)		2	2		15.000	5	150.000			0
12	Trường THCS Trần Quý Cáp	1072209	15	10	5	30.000	5	1.875.000	2.025.000		2.025.000
	(2 em miễn núi)		2	2		15.000	5	150.000			0
13	Trường THCS Lê Lợi	1072218	7	3	4	30.000	5	750.000	750.000		750.000
14	Trường TH&THCS Nguyễn Công Trứ	1067865	7	7		30.000	5	1.050.000	1.050.000		1.050.000
15	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1067776	15	8	7	30.000	5	1.725.000	1.725.000		1.725.000
16	Trường THCS Chu Văn An	1067765	12	11	1	30.000	5	1.725.000	1.725.000		1.725.000
17	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	1072207	20	8	12	30.000	5	2.100.000	2.100.000		2.100.000
18	Trường THCS Hoàng Diệu	1067777	5	5		30.000	5	750.000	750.000		750.000
19	Trường THCS Phan Châu Trinh	1072213	19	14	5	30.000	5	2.475.000	2.625.000	120.000	2.745.000
	(2 em miễn núi)		2	2		15.000	5	150.000			0

20	Trường THCS Phan Bội Châu	1072212	19	9	10	30.000	5	2.100.000	2.160.000		2.160.000
	Trường THCS Phan Bội Châu(Đ bằng)		1	1		30.000	2	60.000			0
21	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1067764	8	6	2	30.000	5	1.050.000	1.050.000		1.050.000
	Tổng cộng THCS		278	179	99			34.710.000	34.710.000	3.360.000	38.070.000
1	Trường Mẫu giáo Thị trấn Hà Lam	1067927	3		3	105.000	5	787.500	787.500		787.500
2	Trường Mẫu giáo Hương Sen	1067926	1	1		105.000	5	525.000	625.000		625.000
	(1 em miền núi)		1	1		20.000	5	100.000			0
3	Trường Mẫu giáo Bình Dương	1068777	3	2	1	45.000	5	562.500	562.500		562.500
4	Trường Mẫu giáo Bình Nguyên	1068517	1		1	45.000	5	112.500	112.500		112.500
5	Trường Mẫu giáo Bình Phục	1.068.522	3	2	1	45.000	5	562.500	562.500	180.000	742.500
6	Trường Mẫu giáo Bình Triều	1.068.522	2	0	2	45.000	5	225.000	325.000		325.000
	(1 em miền núi)		1	1		20.000	5	100.000			0
7	Trường Mẫu giáo Bình Đào	1.068.524	2		2	45.000	5	225.000	225.000		225.000
8	Trường Mẫu giáo Bình Minh	1068767	6	4	2	45.000	5	1.125.000	1.125.000		1.125.000
9	Trường MG Bình Lành	1067771	13	7	6	45.000	5	2.250.000	2.250.000		2.250.000
10	Trường Mẫu giáo Bình Trị	1068514	6	3	3	45.000	5	1.012.500	1.012.500		1.012.500
11	Trường Mẫu giáo Bình Định Bắc	1068626	2	1	1	45.000	5	337.500	337.500		337.500
12	Trường Mẫu giáo Bình Định Nam	1083200	2	1	1	45.000	5	337.500	337.500		337.500
13	Trường Mẫu giáo Bình Phú	1068518	2	2	0	45.000	5	450.000	450.000		450.000
14	Trường Mẫu giáo Bình Quý	1068521	2		2	45.000	5	225.000	225.000		225.000
15	Trường Mẫu giáo Bình Chánh	1068525	3		3	45.000	5	337.500	337.500		337.500
16	Trường Mẫu giáo Bình Tú	1068768	2	0	2	45.000	5	225.000	325.000		325.000
	(1 em miền núi)		1	1		20.000	5	100.000			0
17	Trường Mẫu giáo Bình Sa	1068526	1	0	1	45.000	5	112.500	112.500		112.500
18	Trường Mẫu giáo Bình Hải	1067772	2	2		45.000	5	450.000	450.000		450.000
19	Trường Mẫu giáo Bình An	1068766	3	2	1	45.000	5	562.500	862.500		862.500
	(3 em miền núi)		3	3		20.000	5	300.000			0
20	Trường Mẫu giáo Bình Trung	1068776	4	4		45.000	5	900.000	900.000		900.000
21	Trường Mẫu giáo Bình Nam	1068656	4	2	2	45.000	5	675.000	675.000		675.000
	Tổng cộng Mẫu giáo		73	39	34			12.600.000	12.600.000	180.000	12.780.000
	Tổng cộng(I+II)		351	218	133	0	0	47.310.000	47.310.000	3.540.000	50.850.000

(Năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng y)